

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

- BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN
- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HÀ NỘI, NGÀY 17 THÁNG 04 NĂM 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		88.225.436.923	88.695.090.152
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.330.925.377	4.744.106.241
1. Tiền	111	V.1	1.330.925.377	4.744.106.241
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	8.148.074.474	8.581.074.474
1. Đầu tư ngắn hạn	121		8.475.881.474	8.908.881.474
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(327.807.000)	(327.807.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56.994.901.885	57.453.475.562
1. Phải thu của khách hàng	131		43.025.805.374	43.075.805.374
2. Trả trước cho người bán	132		571.259.267	916.566.942
3. Các khoản phải thu khác	135		69.823.813.806	69.887.079.808
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(56.425.976.562)	(56.425.976.562)
IV. Hàng tồn kho	140		17.400.561.611	16.499.067.112
1. Hàng tồn kho	141		17.400.561.611	16.499.067.112
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.350.973.576	1.417.366.763
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		17.365.228	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		225.511.748	117.277.697
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		100.174.388	100.174.388
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V3	1.007.922.212	1.199.914.678
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		190.603.912.969	190.917.704.500
I. Tài sản cố định	220		124.394.703.099	124.404.173.358
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V4	19.784.562	29.254.821
- Nguyên giá	222		1.394.925.197	1.394.925.197
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.375.140.635)	(1.365.670.376)
2. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228		95.400.000	95.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(95.400.000)	(95.400.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.5	124.374.918.537	124.374.918.537
II. Bất động sản đầu tư	240		27.688.195.282	27.870.697.278
- Nguyên giá	241		28.600.000.000	28.600.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(911.804.718)	(729.302.722)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Tầng 17 - 249A Thụy Khuê - Tây Hồ - Hà Nội

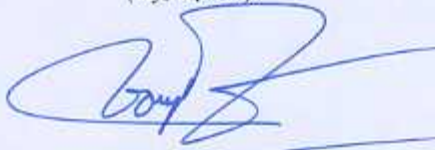
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		38.436.436.129	38.436.436.129
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	V.6	17.150.000.000	17.150.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.7	74.784.480.000	74.784.480.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(53.498.043.871)	(53.498.043.871)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		84.578.459	206.397.735
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		84.578.459	206.397.735
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		278.829.349.892	279.612.794.652
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		33.766.982.114	33.172.742.602
I. Nợ ngắn hạn	310		33.766.982.114	33.172.742.602
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312		1.803.098.105	1.524.707.481
3. Người mua trả tiền trước	313		1.292.852.516	962.515.486
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.8	572.524.809	706.290.574
5. Phải trả người lao động	315		113.719.068	
6. Chi phí phải trả	316		77.000.000	77.000.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.9	28.372.699.522	28.347.740.967
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.535.088.094	1.554.488.094
II. Nợ dài hạn	330			
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		245.062.367.778	246.440.052.050
I. Vốn chủ sở hữu	410	V10	245.062.367.778	246.440.052.050
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		373.500.000.000	373.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.790.387.000	2.790.387.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(3.546.600.829)	(3.546.600.829)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.650.130.542	3.650.130.542
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.650.130.542	3.650.130.542
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(134.981.679.477)	(133.603.995.205)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		278.829.349.892	279.612.794.652

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)


Vũ Văn Tuyền**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(Ký, họ tên)


Nguyễn Thuý Linh

Ngày 17 tháng 4 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

**Trần Ngọc Mạnh**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Tầng 17 - 249A Thụy Khuê - Tây Hồ - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

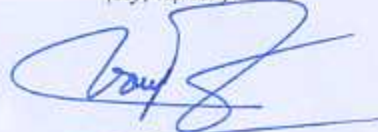
Quý 1 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		292.323.696	88.034.618	292.323.696	88.034.618
2. Các khoản giảm trừ	02					
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01- 03)	10		292.323.696	88.034.618	292.323.696	88.034.618
4. Giá vốn hàng bán	11		182.501.996		182.501.996	0
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV (20=10-11)	20		109.821.700	88.034.618	109.821.700	88.034.618
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		37.373.353	1.250.882.273	37.373.353	1.250.882.273
7. Chi phí hoạt động tài chính	22		2.711.922	1.432.982.782	2.711.922	1.432.982.782
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			1.430.091.667		1.430.091.667
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.392.167.403	2.217.978.412	2.392.167.403	2.217.978.412
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(2.247.684.272)	(2.312.044.303)	(2.247.684.272)	(2.312.044.303)
11. Thu nhập khác	31		870.000.000	405.000.000	870.000.000	405.000.000
12. Chi phí khác	32					
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		870.000.000	405.000.000	870.000.000	405.000.000
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		(1.377.684.272)	(1.907.044.303)	(1.377.684.272)	(1.907.044.303)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51					
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(1.377.684.272)	(1.907.044.303)	(1.377.684.272)	(1.907.044.303)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)


Vũ Văn Tuyền**KÊ TOÁN TRƯỞNG**

(Ký, họ tên)


Nguyễn Thuý Linh

Ngày 17 tháng 4 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

**Trần Ngọc Mạnh**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Tầng 17 - 249A Thụy Khuê - Tây Hồ - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01 đến 31/03/2014

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.377.684.272)	-1.907.044.303
2. Điều chỉnh các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.470.259	116.407.857
Các khoản dự phòng	03		
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		
Chi phí lãi vay	06		1.430.091.667
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.368.214.013)	(360.544.779)
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	458.573.677	2.608.811.524
(Tăng) Giảm hàng tồn kho	10	(901.494.499)	(4.574.406)
Tăng (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	594.239.219	(998.100.664)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	104.454.048	13.239.565
Tiền lãi vay đã trả	13		
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	870.000.000	139.461.313
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(170.739.296)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(413.180.864)	1.398.292.553
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu đã phát hành			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(413.180.864)	1.398.292.553
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	4.744.106.241	5.327.159.387
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	4.330.925.377	6.725.451.940

NGƯỜI LẬP

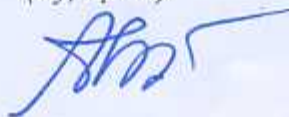
(Ký, họ tên)



Vu Văn Tuyền

KÊ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thuỳ Linh

Lập, ngày 17 tháng 4 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)



Trần Ngọc Mạnh

Báo cáo này được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2014

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0102306389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi ngày 27/12/2013. Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PV2.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- + Dịch vụ kinh doanh và đầu tư bất động sản;
- + Dịch vụ và đầu tư tài chính.
- +

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán : Bắt đầu từ ngày 01/01; Kết thúc vào ngày 31/12

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, các văn bản hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Đơn vị áp dụng và tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán hiện hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các dòng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực số 21- Trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền, và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

2. Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ thấp hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay khó khăn tương tự.

4. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dự trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

5. Chi phí XDCB dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

6. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản góp vốn liên doanh là thoả thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết và góp vốn liên doanh theo giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lỹ kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà nhà đầu tư nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

7. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Được thực hiện theo các nguyên tắc, phương pháp kế toán tuân thủ hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	399.928.219	140.691.476
- Tiền gửi không kỳ hạn	930.997.158	4.603.414.765
- Tiền gửi có kỳ hạn	3.000.000.000	
Cộng	4.330.925.377	4.744.106.241
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Đầu tư Chứng khoán	585.027.622	585.027.622
- Repo chứng khoán	552.613.852	985.613.852
- Đầu tư ngắn hạn khác	7.338.240.000	7.338.240.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(327.807.000)	(327.807.000)
Cộng	8.148.074.474	8.581.074.474

3. Tài sản ngắn hạn khác

- Tạm ứng

- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn

Cộng**Số cuối kỳ**

718.747.212

289.175.000

1.007.922.212**Số đầu năm**

910.739.678

289.175.000

1.199.914.678**4. Tài sản cố định hữu hình****NGUYÊN GIÁ**

- Tại ngày 01/01/2014

- Tăng trong kỳ

- Giảm trong kỳ

- Tại ngày 31/03/2014

GIÁ TRỊ HAO MÒN LK

- Tại ngày 01/01/2014

- Khấu hao trong kỳ

- Giảm trong kỳ

- Tại ngày 31/12/2013

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

- Tại ngày 01/01/2014

- Tại ngày 31/03/2014

Thiết bị VP

250.958.184

250.958.184

222.710.613

8.463.009

231.173.622**28.247.571****19.784.562****Phương tiện VT**

1.143.967.013

1.143.967.013

1.142.959.763

1.007.250

1.143.967.013**1.007.250****0****Tổng cộng**

1.394.925.197

1.394.925.197

1.365.670.376

9.470.259

1.375.140.635**29.254.821****19.784.562****5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

- Dự án Nhơn Trạch - Đồng Nai

Cộng**Số cuối kỳ**

124.365.018.537

124.374.918.537**Số đầu năm**

124.365.018.537

124.374.918.537**6. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

- Công ty CP Dịch vụ V-Car

Cộng**Số cuối kỳ**

17.150.000.000

17.150.000.000**Số đầu năm**

17.150.000.000

17.150.000.000**7. Đầu tư dài hạn khác**

- Công ty CP BOT Quốc lộ 2

- Công ty CP Fortika Trung Yên

- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 18

- Công ty CP Đầu tư Phát triển Sao Đỏ

- Công ty TNHH Khải Hưng

- HTX Công nghiệp Đoàn Kết

- Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí

- Công ty CP Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí

- Công ty CP Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ Vinacomin

Cộng**Số cuối kỳ**

15.000.000.000

26.600.000.000

15.000.000.000

13.678.080.000

4.506.400.000

74.784.480.000**Số đầu năm**

15.000.000.000

26.600.000.000

15.000.000.000

13.678.080.000

4.506.400.000

74.784.480.000

8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

- Thuế thu nhập cá nhân

- Thuế Giá trị gia tăng

- Khoản thuế truy thu và tiền phạt sau thanh tra 2008-2012

Cộng**Số cuối kỳ**

28.737.508

0

543.787.301

572.524.809**Số đầu năm**

28.737.508

0

663.825.751

706.290.574**9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

- Cổ tức còn phải trả cho cổ đông PV2

- Phải trả, phải nộp khác

Cộng**Số cuối kỳ**

28.371.036.298

1.663.224

28.372.699.522**Số đầu năm**

28.374.005.048

(26.264.081)

28.347.740.967**10. Vốn chủ sở hữu**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Thặng dư vốn cổ phần

- Cổ phiếu quỹ (Số lượng: 481.200 CP)

- Quỹ đầu tư phát triển

- Quỹ dự phòng tài chính

- Lợi nhuận chưa phân phối

Cộng**Số cuối kỳ**

373.500.000.000

2.790.387.000

(3.546.600.829)

3.650.130.542

3.650.130.542

(134.981.679.477)

245.062.367.778**Số đầu năm**

373.500.000.000

2.790.387.000

(3.546.600.829)

3.650.130.542

3.650.130.542

(133.603.995.205)

246.440.052.050

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Văn Tuyến

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thùy Linh

Lập, ngày 27 tháng 4 năm 2014



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Mạnh